

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Số: 165/CV-HUD1

V/v Công bố Báo cáo tài chính Riêng đã được soát xét
6 Tháng năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Mẫu CBTT/SGDCK HCM -02 Quy định 340/QĐ-SGDCKHCM)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng HUD1

2. Mã chứng khoán: HU1

3. Trụ sở chính: Số 168 Giải Phóng, Thanh Xuân, Hai Bà Trưng, Hà Nội

4. Điện thoại: 024.38687557

Fax: 024.38686557

5- Loại thông tin công bố:

24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

6- Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Báo cáo Tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2024.

7- Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty: www.hud1.com.vn (mục quan hệ cổ đông).

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo Tài chính Công ty riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2024.

- Như kính gửi;
- Lưu VT, HDQT.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN



Lương Công Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | <u>Trang</u> |
|---|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 - 3 |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ | 4 - 5 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT | |
| Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ | 6 - 7 |
| Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ | 8 |
| Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ | 9 |
| Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ | 10 - 33 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Xây lắp và Phát triển nhà số 1 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 theo Quyết định số 1636/QĐ-BXD ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0101043264 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10 tháng 5 năm 2024.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 10 tháng 5 năm 2024 là 100.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HUD1 Investment and Construction Joint Stock Company, Tên viết tắt: HUD1., JSC.

Cổ phiếu của Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã chứng khoán: HU1.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

| | | |
|--------------------------|---------------------|--|
| Hội đồng Quản trị | Ông Dương Tất Khiêm | Chủ tịch HĐQT - Người đại diện pháp luật |
| | Ông Lê Thanh Hải | Thành viên - Người đại diện pháp luật |
| | Ông Lê Đắc Hiếu | Thành viên |
| Ban Kiểm soát | Ông Bùi Thái Khanh | Trưởng ban |
| | Ông Nguyễn Hồng Sơn | Thành viên |
| Ban Tổng Giám đốc | Ông Lê Thanh Hải | Tổng Giám đốc |
| | Ông Trần Vũ Anh | Phó Tổng Giám đốc |

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Lê Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2024

Số: 205/2024/BCSX-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1, được lập ngày 19 tháng 8 năm 2024, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30/6/2024, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình, dự án không biến động số dư qua nhiều năm với giá trị: 4.534.365.051 đồng. Công ty vẫn đang làm việc với Chủ đầu tư về việc thanh quyết toán các công trình này nên chúng tôi chưa có đủ cơ sở để đánh giá và xác định ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 kèm theo của Công ty.

Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp liên quan đến tính hiện hữu, chính xác của số dư và đánh giá khả năng thu hồi tại ngày 30/6/2024 của khoản phải thu khách hàng với số tiền 2.096.744.584 đồng. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục soát xét thay thế nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng soát xét thích hợp, do đó chúng tôi không đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng (nếu có) đối với khoản phải thu nêu trên.

Tại ngày 30/06/2024, Công ty chưa đánh giá lại khả năng thu hồi đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đại Thiên Lộc có giá gốc là: 13.000.000.000 đồng. Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các bằng chứng soát xét thích hợp liên quan đến đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về sự suy giảm của khoản đầu tư trên (nếu có). Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ” chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Bùi Thị Thúy

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2024

0101
CÔNG TY
THÀNH PHỐ
KIỂM TOÁN
VIỆT NAM
HÀ NỘI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

| TÀI SẢN | MS | TM | 30/6/2024 | 01/01/2024 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150) | 100 | | 485.585.645.929 | 418.175.792.253 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 41.100.488.773 | 2.474.855.862 |
| 1. Tiền | 111 | | 41.100.488.773 | 2.474.855.862 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 350.000.000 | - |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 350.000.000 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 355.133.447.622 | 346.581.251.508 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.2 | 110.763.978.558 | 108.383.419.217 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.3 | 96.491.855.169 | 98.469.853.662 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.4 | 148.204.287.912 | 140.054.652.646 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 5.5 | (326.674.017) | (326.674.017) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 5.6 | 67.762.485.985 | 50.147.998.471 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 67.762.485.985 | 50.147.998.471 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 21.239.223.549 | 18.971.686.412 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5.7 | 516.539.523 | 99.961.818 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 20.481.976.012 | 18.664.949.453 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 5.13 | 240.708.014 | 206.775.141 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260) | 200 | | 142.616.221.013 | 123.076.708.648 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 8.029.001.969 | 4.496.843.409 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.8 | 4.392.638.333 | 860.479.773 |
| - Nguyên giá | 222 | | 13.903.025.476 | 11.467.851.567 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (9.510.387.143) | (10.607.371.794) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.9 | 3.636.363.636 | 3.636.363.636 |
| - Nguyên giá | 228 | | 3.636.363.636 | 3.636.363.636 |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 106.571.880.083 | 90.610.688.103 |
| 1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | 5.6 | 105.344.506.516 | 89.810.467.840 |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 1.227.373.567 | 800.220.263 |
| V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5.10 | 28.015.338.961 | 27.969.177.136 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 18.156.000.000 | 18.156.000.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 14.546.161.825 | 14.500.000.000 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (5.686.822.864) | (5.686.822.864) |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200) | 270 | | 628.201.866.942 | 541.252.500.901 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

| NGUỒN VỐN | MS | TM | 30/6/2024 | 01/01/2024 |
|---|-------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330) | 300 | | 491.537.389.474 | 404.612.291.940 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 491.537.389.474 | 404.612.291.940 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.11 | 78.001.052.385 | 83.129.084.624 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5.12 | 49.560.606.944 | 16.507.713.902 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.13 | 14.022.241.081 | 24.716.643.813 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | - | 354.674.230 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.14 | 457.353.021 | 2.847.203.930 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.15 | 93.555.244.227 | 78.397.496.289 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.16 | 255.541.323.557 | 198.242.706.893 |
| 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 322 | | 399.568.259 | 416.768.259 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430) | 400 | | 136.664.477.468 | 136.640.208.961 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.17 | 136.664.477.468 | 136.640.208.961 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i> | <i>411a</i> | | <i>100.000.000.000</i> | <i>100.000.000.000</i> |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 23.300.417.000 | 23.300.417.000 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 4.270.343.903 | 4.270.343.903 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 9.093.716.565 | 9.069.448.058 |
| - <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i> | <i>421a</i> | | <i>9.069.448.058</i> | <i>8.919.704.015</i> |
| - <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i> | <i>421b</i> | | <i>24.268.507</i> | <i>149.744.043</i> |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400) | 440 | | 628.201.866.942 | 541.252.500.901 |

Người lập biểu

Vũ Thị Hồng Liễu

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hồng Liễu

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Lê Thanh Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

| CHỈ TIÊU | MS | TM | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 |
|---|----|-----|--|--|
| | | | VND | VND |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 47.010.325.158 | 86.337.472.918 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02) | 10 | | 47.010.325.158 | 86.337.472.918 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 43.264.131.998 | 81.671.011.293 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11) | 20 | | 3.746.193.160 | 4.666.461.625 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 5.256.469 | 190.972.871 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | 1.269.585.779 | 1.496.142.769 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 1.269.585.779 | 1.496.142.769 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.5 | 1.538.065.709 | 3.257.095.796 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)} | 30 | | 943.798.141 | 104.195.931 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 6.6 | 278.181.818 | - |
| 12. Chi phí khác | 32 | 6.6 | 1.191.644.325 | 742.833 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32) | 40 | 6.6 | (913.462.507) | (742.833) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45) | 50 | | 30.335.634 | 103.453.098 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 6.7 | 6.067.127 | 20.839.186 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52) | 60 | | 24.268.507 | 82.613.912 |

Người lập biểu



Vũ Thị Hồng Liễu

Kế toán trưởng



Vũ Thị Hồng Liễu

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc




Lê Thanh Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

| CHỈ TIÊU | MS | TM | Cho kỳ kế toán | Cho kỳ kế toán |
|---|----|-----|-------------------------|--------------------------|
| | | | ngày 30/6/2024 | ngày 30/6/2023 |
| | | | VND | VND |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 30.335.634 | 103.453.098 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | | 175.424.440 | 94.741.699 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (5.256.469) | (190.972.871) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 1.269.585.779 | 1.496.142.769 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 1.470.089.384 | 1.503.364.695 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (10.403.155.546) | 6.315.194.487 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (33.575.679.494) | (8.262.056.971) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 29.390.705.552 | (106.828.897.597) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (416.577.705) | (521.574.378) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (1.022.677.588) | (3.460.870.226) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | - | (689.292.661) |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | (17.200.000) | (25.320.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (14.574.495.397) | (111.969.452.651) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (3.707.583.000) | (37.898.000) |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (350.000.000) | - |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | 8.300.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (46.161.825) | - |
| 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 5.256.469 | 190.972.871 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (4.098.488.356) | 8.453.074.871 |
| III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 95.457.519.990 | 143.696.463.732 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (38.158.903.326) | (28.873.815.754) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 57.298.616.664 | 114.822.647.978 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40) | 50 | | 38.625.632.911 | 11.306.270.198 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 5.1 | 2.474.855.862 | 3.879.502.411 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60) | 70 | 5.1 | 41.100.488.773 | 15.185.772.609 |

Người lập biểu



Vũ Thị Hồng Liễu

Kế toán trưởng



Vũ Thị Hồng Liễu

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Lê Thanh Hải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 trước đây là Công ty Xây lắp và Phát triển nhà số 1 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 theo Quyết định số 1636/QĐ-BXD ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0101043264 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10 tháng 5 năm 2024.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HUD1 Investment and Construction Joint Stock Company, Tên viết tắt: HUD1., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 09 ngày 10 tháng 5 năm 2024 là 100.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán: HU1.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Số lao động tại ngày 30/06/2024 là 53 người (tại ngày 31/12/2023 là 57 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Tư vấn, giám sát xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Tư vấn, thiết kế các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Thi công lắp đặt hệ thống thông gió, chiếu sáng, hệ thống điện, điện lạnh;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, công nghiệp xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị và khu công nghiệp;
- Kho bãi, lưu giữ hàng hóa và bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ chăm sóc cây và duy trì cảnh quan; Dịch vụ ăn uống; Dịch vụ thể thao khác;
- Thi công xây lắp các loại công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị, khu công nghiệp, thi công lắp đặt thiết bị kỹ thuật công trình, hệ thống cứu hỏa, trang trí nội ngoại thất các công trình xây dựng;
- Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí.

Hoạt động chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 là: Đầu tư kinh doanh nhà, khu đô thị, thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thiện.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động xây lắp của Công ty không được xác định một cách rõ ràng mà phụ thuộc vào từng hợp đồng, dự án mà Công ty thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2024, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

| Công ty con | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích |
|---|-----------------------------------|-------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Xây dựng HUD 101 | Xây dựng công trình | 51,0% | 51,0% | 51,0% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD 1.02 | Xây dựng công trình | 51,0% | 51,0% | 51,0% |
| Công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích |
| Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng CIC DECOR | Thiết kế, kinh doanh nội thất | 20,0% | 20,0% | 20,0% |
| Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Phú Yên | Xây dựng, kinh doanh bất động sản | 15,0% | 15,0% | 15,0% |

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng.

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2024.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*****Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

| | <u>Số năm</u> |
|--------------------------------|----------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 12 |
| Máy móc, thiết bị | 03 - 07 |
| Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 - 07 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 |

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác, là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay trích trước theo hợp đồng vay, lãi thanh toán vào cuối kỳ khi trả nợ gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu khác

Doanh thu khác là doanh thu từ cung cấp các tiện ích như điện, nước,... cho dự án Bất động sản của Công ty. Doanh thu được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | 30/6/2024 | 01/01/2024 |
|---------------------------------|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 1.703.203.398 | 412.643.021 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 39.397.285.375 | 2.062.212.841 |
| Tổng | 41.100.488.773 | 2.474.855.862 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.2 Phải thu khách hàng

| | 30/6/2024 | 01/01/2024 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu của khách hàng ngắn hạn | 110.763.978.558 | 108.383.419.217 |
| Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD | 52.494.307.427 | 52.533.907.427 |
| Công ty TNHH Hoàng Gia | 6.686.059.790 | 6.686.059.790 |
| Công ty CP BĐS TM&DV Du lịch Quang Chung | - | 9.900.073.477 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và PT CSHT số 9 Hà Nội | 21.641.165.846 | 13.899.229.436 |
| Tổng Công ty CP Đầu tư PT Xây dựng | 2.000.000.000 | 9.443.002.568 |
| Phải thu khách hàng mua nhà | 14.054.666.946 | 14.237.932.037 |
| Các đối tượng khác | 13.887.778.549 | 1.683.214.482 |
| Tổng | 110.763.978.558 | 108.383.419.217 |

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)

- 371.377.000

5.3 Trả trước cho người bán

| | 30/6/2024 | 01/01/2024 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Trả trước người bán ngắn hạn | 96.491.855.169 | 98.469.853.662 |
| Công ty CP Đầu tư & Xây dựng HUD 1.02 (*) | 34.409.201.316 | 34.409.201.316 |
| Công ty TNHH Đầu tư Khang Thái | - | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 | 10.019.571.178 | 10.019.571.178 |
| Công ty CP CDC Hà Nội | 31.225.606.199 | 31.225.606.199 |
| Công ty TNHH TM Đại Nam 68 | 2.501.745.000 | 2.501.745.000 |
| Công ty TNHH Huy Hồng | 3.241.461.395 | 3.241.461.395 |
| Công ty TNHH MTV SX và TM Đức Chiến | 1.991.890.000 | 1.991.890.000 |
| Các đối tượng khác | 13.102.380.081 | 15.080.378.574 |
| Tổng | 96.491.855.169 | 98.469.853.662 |

Trong đó: Trả trước người bán là các bên liên quan

(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)

44.428.772.494 44.428.772.494

(*) Khoản phải thu HD1.02 sẽ được Công ty đối trừ với tài sản trên đất và quyền sử dụng đất của Công ty HUD1.02, là lô đất số 1 lô J phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện Công ty HUD1 đang sử dụng tài sản này để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.4 Phải thu khác ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

| | 30/6/2024 | | 01/01/2024 | |
|----------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ngắn hạn | 148.204.287.912 | - | 140.054.652.646 | - |
| Tạm ứng (*) | 136.583.452.062 | - | 129.456.557.439 | - |
| Bảo hiểm Xã hội | 835.567.801 | - | - | - |
| Phải thu ngắn hạn khác: | | | | |
| Ban quản lý kè đê biển chắn sóng | 3.384.709.139 | - | 3.384.709.139 | - |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 1.834.980.000 | - | 1.834.980.000 | - |
| Dự án 176 Định Công | 1.627.521.823 | - | 2.000.000.000 | - |
| Các khoản phải thu khác | 3.938.057.087 | - | 3.378.406.068 | - |
| Tổng | 148.204.287.912 | - | 140.054.652.646 | - |

(*) Tạm ứng cho các chủ nhiệm các Đội thi công công trình

5.5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Đơn vị tính: VND

| | 30/6/2024 | | 01/01/2024 | |
|--|----------------|----------------------------------|----------------|----------------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
| Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi | 326.674.017 | - | 326.674.017 | - |

Công ty xác định có thể thu hồi các khoản nợ xấu bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của các đối tượng này

Trong đó:

| | Quá hạn trên 3 năm VND |
|--|------------------------------|
| Văn phòng Tỉnh ủy Bắc Ninh | 169.547.000 |
| Công ty cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bao bì (Packexim) | 157.127.017 |
| Tổng | 326.674.017 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.6 Hàng tồn kho

| | 30/06/2024 | | 01/01/2024 | |
|---|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| a) Hàng tồn kho | 67.762.485.985 | - | 50.147.998.471 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i) | 67.762.485.985 | - | 50.147.998.471 | - |
| b) Tài sản dở dang dài hạn | 105.344.506.516 | - | 89.810.467.840 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i) | 105.344.506.516 | - | 89.810.467.840 | - |
| Tổng | 173.106.992.501 | - | 139.958.466.311 | - |

(i) Trong đó chi tiết các công trình dở dang:

| | Đơn vị tính: VND | |
|--|------------------------|------------------------|
| | 30/6/2024 VND | 01/01/2024 VND |
| a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn | 67.762.485.985 | 50.147.998.471 |
| Hoàn thiện mặt ngoài LK28 KĐT Kim Chung | 9.518.847 | 3.834.390.488 |
| Công trình kè biển - Gói thầu ND2.7 | 6.190.571.214 | 3.904.858.132 |
| Nhà ở học sinh sinh viên A5 - A6 | 32.056.709.364 | 32.056.709.364 |
| Các công trình khác | 29.505.686.560 | 10.352.040.487 |
| b) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn | 105.344.506.516 | 89.810.467.840 |
| Dự án 176 Định Công | 104.158.216.822 | 88.640.838.146 |
| Dự án khác | 1.186.289.694 | 1.169.629.694 |
| Tổng | 173.106.992.501 | 139.958.466.311 |

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Đơn vị tính: VND | |
|-----------------------|--------------------|-------------------|
| | 30/6/2024 VND | 01/01/2024 VND |
| Ngắn hạn | 516.539.523 | 99.961.818 |
| Chi phí ngắn hạn khác | 516.539.523 | 99.961.818 |
| Tổng | 516.539.523 | 99.961.818 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tổng |
|-------------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------|---------------------------------|----------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Số dư tại 01/01/2024 | 4.117.345.021 | 2.407.727.272 | 4.864.544.910 | 78.234.364 | 11.467.851.567 |
| Tăng trong kỳ | - | - | 3.707.583.000 | - | 3.707.583.000 |
| Mua trong kỳ | - | - | 3.707.583.000 | - | 3.707.583.000 |
| Giảm trong kỳ | - | - | 1.272.409.091 | - | 1.272.409.091 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | 1.272.409.091 | - | 1.272.409.091 |
| Số dư tại 30/06/2024 | 4.117.345.021 | 2.407.727.272 | 7.299.718.819 | 78.234.364 | 13.903.025.476 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Số dư tại 01/01/2024 | 3.282.130.583 | 2.407.727.272 | 4.864.544.910 | 52.969.029 | 10.607.371.794 |
| Tăng trong kỳ | 81.499.440 | - | 84.450.502 | 9.474.498 | 175.424.440 |
| Khấu hao trong kỳ | 81.499.440 | - | 84.450.502 | 9.474.498 | 175.424.440 |
| Giảm trong kỳ | - | - | 1.272.409.091 | - | 1.272.409.091 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | 1.272.409.091 | - | 1.272.409.091 |
| Số dư tại 30/06/2024 | 3.363.630.023 | 2.407.727.272 | 3.676.586.321 | 62.443.527 | 9.510.387.143 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Số dư tại 01/01/2024 | 835.214.438 | - | - | 25.265.335 | 860.479.773 |
| Số dư tại 30/06/2024 | 753.714.998 | - | 3.623.132.498 | 15.790.837 | 4.392.638.333 |

Giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/06/2024 là 753.714.998 đồng (tại ngày 31/12/2023 là 875.964.168 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 6.624.226.278 đồng (tại ngày 31/12/2023 là 7.896.635.369 đồng).

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có diện tích 290m² tại số 1 lô J, phường Bình Trưng Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02 theo hình thức đối trừ công nợ được Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 02/11/2023. Giá trị chuyển nhượng: 3.636.363.636 đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 đã được Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT88874 ngày 26/12/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân,

Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.10 Đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

| | Tỷ lệ | 30/6/2024 | | 01/01/2024 | | | | |
|--|-------|-----------------|------------------|-----------------|----------------|-----------------|-----------------|----------|
| | | Vốn giữ năm giữ | Quyền biểu quyết | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| a) Đầu tư Công ty con | | | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 | 51% | 51% | 18.156.000.000 | (5.268.255.838) | 18.156.000.000 | (5.268.255.838) | (5.268.255.838) | |
| Công ty CP Đầu tư & Xây dựng HUD 1.02 (i) | 51% | 51% | 5.406.000.000 | - | 5.406.000.000 | - | - | |
| b) Đầu tư Công ty liên kết | | | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng CIC DECOR | 20% | 20% | 12.750.000.000 | (5.268.255.838) | 12.750.000.000 | (5.268.255.838) | (5.268.255.838) | |
| c) Đầu tư dài hạn khác | | | | | | | | |
| Công ty TNHH Đại Thiên Lộc (ii) | | | 1.000.000.000 | (418.567.026) | 1.000.000.000 | (418.567.026) | (418.567.026) | |
| Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Phú Yên (iii) | | | 14.546.161.825 | - | 14.500.000.000 | - | - | |
| | | | 13.000.000.000 | - | 13.000.000.000 | - | - | |
| Tổng | | | 1.546.161.825 | - | 1.500.000.000 | - | - | |
| | | | 33.702.161.825 | (5.686.822.864) | 33.656.000.000 | (5.686.822.864) | (5.686.822.864) | |

(*) Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu của các Công ty này chưa được niêm yết. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về phương pháp xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trong trường hợp cổ phiếu chưa niêm yết. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i) Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, được sự hỗ trợ từ Công ty mẹ, Công ty HUD1.02 đang thực hiện công tác kiện toàn nhân sự để thực hiện quyết toán các công trình dở dang, thu hồi công nợ cũng như đàm nhận công tác thầu phụ cho Công ty mẹ trong một số dự án đang triển khai.

(ii): Hợp đồng hợp tác Đầu tư số 02/HĐHTDT ngày 19/5/2011 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 và Công ty TNHH Đại Thiên Lộc về việc hợp tác đầu tư xây dựng hạ tầng và kinh doanh Dự án Trạm dừng nghỉ xe đường dài Đại Thiên Lộc tại xã Liên Bảo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Hiện nay Công ty đang thực hiện điều chỉnh quy hoạch chi tiết dự án và tìm kiếm đối tác phù hợp để chuyển nhượng phần vốn góp với giá trị chuyển nhượng không thấp hơn 13,5 tỷ đồng.

(iii): Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4401101725 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp lần đầu ngày 15/12/2022. Trụ sở: Số 485 đường Hùng Vương, phường 9, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Vốn điều lệ: 138.000.000.000 đồng. Tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 là 15% Vốn điều lệ, tương đương 41.400.000.000 đồng. Số vốn HUD1 đã góp đến 31/12/2023: 1.500.000.000 đồng. Số vốn góp của các cổ đông sẽ tiếp tục thực hiện theo tiến độ của dự án Khu dân cư phía Tây đường Lê Duẩn, thành phố Tuy Hòa, hiện tại dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

| | 30/6/2024 | | 01/01/2024 | |
|--|-----------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Ngắn hạn | 78.001.052.385 | 78.001.052.385 | 83.129.084.624 | 83.129.084.624 |
| Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế kỹ thuật Logik | 18.630.132.901 | 18.630.132.901 | 22.329.644.014 | 22.329.644.014 |
| Công ty TNHH MTV Tây Bắc- Chi nhánh Sơn Tây | 4.057.810.364 | 4.057.810.364 | 4.375.484.270 | 4.375.484.270 |
| Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị - HUD | 5.805.459.584 | 5.805.459.584 | 5.805.459.584 | 5.805.459.584 |
| Công ty TNHH MTV DV Nhà ở và Khu đô thị | 3.919.775.671 | 3.919.775.671 | - | - |
| Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân | 5.927.502.634 | 5.927.502.634 | 5.927.502.634 | 5.927.502.634 |
| Các đối tượng khác | 39.660.371.231 | 39.660.371.231 | 44.690.994.122 | 44.690.994.122 |
| Tổng | 78.001.052.385 | 78.001.052.385 | 83.129.084.624 | 83.129.084.624 |
| <i>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan</i> | <i>7.088.483.123</i> | <i>7.088.483.123</i> | <i>3.857.153.739</i> | <i>3.857.153.739</i> |
| <i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i> | | | | |

5.12 Người mua trả tiền trước

| | 30/6/2024 | 01/01/2024 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD | 15.431.531.091 | 8.294.920.944 |
| Ban QLDA Phát triển tỉnh Khánh Hòa | 1.542.581.220 | 3.042.581.220 |
| Tổng công ty ĐT PT Đường Cao tốc Việt Nam | 27.489.845.706 | - |
| Các đối tượng khác | 5.096.648.927 | 5.170.211.738 |
| Tổng | 49.560.606.944 | 16.507.713.902 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.13 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

| | 01/01/2024 VND | Số phải thu trong kỳ VND | Số đã thu trong kỳ VND | 30/6/2024 VND |
|---|-----------------------|--------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Phải thu | 206.775.141 | 33.932.873 | - | 240.708.014 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | |
| nộp thừa | 206.775.141 | 33.932.873 | - | 240.708.014 |
| | | | | |
| | 01/01/2024 VND | Số phải nộp trong kỳ VND | Số đã nộp trong kỳ VND | 30/06/2024 VND |
| Phải nộp | 24.716.643.813 | 1.659.560.152 | 12.353.962.884 | 14.022.241.081 |
| Thuế giá trị gia tăng | 23.593.701.144 | - | 10.676.684.936 | 12.917.016.208 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 96.956.280 | 61.588.185 | 79.305.981 | 79.238.484 |
| Các loại thuế khác | - | 1.160.388.967 | 1.160.388.967 | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 1.025.986.389 | 437.583.000 | 437.583.000 | 1.025.986.389 |

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 30/06/2024 VND | 01/01/2024 VND |
|---|--------------------|----------------------|
| Ngắn hạn | 457.353.021 | 2.847.203.930 |
| Chi phí lãi vay | 218.367.930 | 218.367.930 |
| Trích trước chi phí dự án 176 Định Công | 238.985.091 | 2.628.836.000 |
| Tổng | 457.353.021 | 2.847.203.930 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

| | 30/6/2024 | 01/01/2024 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 93.555.244.227 | 78.397.496.289 |
| Kinh phí công đoàn | 39.775.712 | 114.113.200 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 3.009.304 | 11.530.256 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác: | 93.512.459.211 | 78.271.852.833 |
| <i>Phải trả các đội thi công</i> | <i>38.681.752.218</i> | <i>31.234.519.175</i> |
| <i>Tạm thu phí bảo trì dự án 176 Định Công</i> | <i>37.716.983.735</i> | <i>37.689.897.827</i> |
| <i>Các khoản phải trả khác</i> | <i>17.113.723.258</i> | <i>9.347.435.831</i> |
| Tổng | 93.555.244.227 | 78.397.496.289 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI
Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

| | 30/6/2024 | | Phát sinh trong kỳ | | 01/01/2024 | |
|--|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn | 255.541.323.557 | 255.541.323.557 | 95.457.519.990 | 38.158.903.326 | 198.242.706.893 | 198.242.706.893 |
| Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (i) | 71.966.321.561 | 71.966.321.561 | 47.382.517.994 | 34.141.290.985 | 58.725.094.552 | 58.725.094.552 |
| Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam | - | - | - | 4.017.612.341 | 4.017.612.341 | 4.017.612.341 |
| Vay cá nhân (ii) | 11.575.001.996 | 11.575.001.996 | 8.575.001.996 | - | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| Công ty CP Đầu tư Đô thị Hà Nội (iii) | 172.000.000.000 | 172.000.000.000 | 39.500.000.000 | - | 132.500.000.000 | 132.500.000.000 |
| Tổng | 255.541.323.557 | 255.541.323.557 | 95.457.519.990 | 38.158.903.326 | 198.242.706.893 | 198.242.706.893 |

- (i): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/135016/HHTD ngày 22/11/2023. Hạn mức tín dụng thường xuyên tối đa là 200 tỷ đồng trong đó hạn mức cho vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán, phát hành L/C tối đa tại mọi thời điểm là 60 tỷ đồng, bao gồm hạn mức thế tín dụng doanh nghiệp là 300 triệu đồng. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/11/2024. Lãi suất cho vay và kỳ hạn trả nợ lãi được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động thi công xây lắp. Tài sản thế chấp gồm: Phương tiện vận tải và tài sản là quyền sử dụng đất của bên thứ ba.
- (ii): Khoản vay các cá nhân là cán bộ nhân viên Công ty HUDI, lãi suất 0%. Tài sản đảm bảo: Tín chấp.
- (iii): Hợp đồng vay vốn số 01.2024/HĐ/ĐTHN-HUDI ngày 15/01/2024 với Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Hà Nội (HURI). Số tiền vay: 1.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng tiền vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh của bên Vay. Thời hạn vay: không kỳ hạn. Lãi suất: 0,2%/năm. Theo Khế ước nhận nợ ngày 18/01/2024, bên Vay đã được giải ngân đủ số vốn vay. Đây là khoản vay không có tài sản thế chấp.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân,

Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

(iii): Hợp đồng vay vốn số 02.2024/HĐ/ĐTHN-HUD1 ngày 15/04/2024 với Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Hà Nội (HURI). Số tiền vay: 3.500.000.000 VNĐ. Mục đích sử dụng tiền vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh của bên Vay. Thời hạn vay: không kỳ hạn. Lãi suất: 0,2%/năm. Theo Khế ước nhận nợ ngày 19/04/2024, bên Vay đã được giải ngân đủ số vốn vay. Đây là khoản vay không có tài sản thế chấp.

Hợp đồng vay vốn số 03.2024/HĐ/ĐTHN-HUD1 ngày 03/06/2024 với Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Hà Nội (HURI). Số tiền vay: 47.000.000.000 VNĐ. Mục đích sử dụng tiền vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh của bên Vay. Thời hạn vay: không kỳ hạn. Lãi suất: 0,2%/năm. Theo Khế ước nhận nợ ngày 11/07/2024, bên Vay đã được giải ngân đủ số vốn vay. Đây là khoản vay không có tài sản thế chấp.

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Chi tiết tăng, giảm vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng |
|----------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------------------|-----------------|
| Số dư tại 01/01/2023 | 100.000.000.000 | 23.300.417.000 | 4.270.343.903 | 11.919.704.015 | 139.490.464.918 |
| Tăng trong năm | - | - | - | (2.850.255.957) | (2.850.255.957) |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | 149.744.043 | 149.744.043 |
| Chia cổ tức | - | - | - | (3.000.000.000) | (3.000.000.000) |
| Giảm trong năm | - | - | - | - | - |
| Số dư tại 31/12/2023 | 100.000.000.000 | 23.300.417.000 | 4.270.343.903 | 9.069.448.058 | 136.640.208.961 |
| Số dư tại 01/01/2024 | 100.000.000.000 | 23.300.417.000 | 4.270.343.903 | 9.069.448.058 | 136.640.208.961 |
| Tăng trong kỳ | - | - | - | 24.268.507 | 24.268.507 |
| Lãi trong kỳ | - | - | - | 24.268.507 | 24.268.507 |
| Giảm trong kỳ | - | - | - | - | - |
| Số dư tại 30/6/2024 | 100.000.000.000 | 23.300.417.000 | 4.270.343.903 | 9.093.716.565 | 136.664.477.468 |

Đơn vị tính: VND



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

| | 30/6/2024 | 01/01/2024 |
|--------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Vũ Nhật Tuấn | 51.000.000.000 | 51.000.000.000 |
| Cổ đông khác | 49.000.000.000 | 49.000.000.000 |
| Tổng | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 |
|----------------------------------|--|--|
| | VND | VND |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp tại ngày đầu kỳ | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| Vốn góp tăng trong kỳ | - | - |
| Vốn góp giảm trong kỳ | - | - |
| Vốn góp tại ngày cuối kỳ | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | - | - |

d. Cổ phiếu

| | 30/6/2024 | 01/01/2024 |
|--|------------|------------|
| | Cổ phiếu | Cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu) | 10.000 | 10.000 |

e. Các quỹ doanh nghiệp

| | 30/6/2024 | 01/01/2024 |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Quỹ đầu tư phát triển | 4.270.343.903 | 4.270.343.903 |
| Tổng | 4.270.343.903 | 4.270.343.903 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND |
|-----------------------------------|---|---|
| Doanh thu xây lắp | 34.848.766.453 | 68.657.545.869 |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản | 3.648.063.343 | 4.527.501.105 |
| Doanh thu hoạt động khác | 8.513.495.362 | 13.152.425.944 |
| Tổng | 47.010.325.158 | 86.337.472.918 |

6.2 Giá vốn hàng bán

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND |
|---------------------------------|---|---|
| Giá vốn xây lắp | 34.114.362.950 | 67.562.782.133 |
| Giá vốn kinh doanh bất động sản | 3.385.037.976 | 4.563.076.199 |
| Giá vốn hoạt động khác | 5.764.731.072 | 9.545.152.961 |
| Tổng | 43.264.131.998 | 81.671.011.293 |

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND |
|--------------|---|---|
| Lãi tiền gửi | 5.256.469 | 190.972.871 |
| Tổng | 5.256.469 | 190.972.871 |

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND |
|--------------|---|---|
| Lãi tiền vay | 1.269.585.779 | 1.496.142.769 |
| Tổng | 1.269.585.779 | 1.496.142.769 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND |
|-------------------------------------|---|---|
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 1.538.065.709 | 3.257.095.796 |
| Chi phí nhân viên quản lý | 338.345.892 | 2.038.701.388 |
| Chi phí khấu hao CCDC, TSCĐ | 45.486.969 | 94.741.699 |
| Thuế, phí và lệ phí | 13.568.783 | 84.086.592 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.093.307.625 | 1.039.132.013 |
| Chi phí bằng tiền khác | 47.356.440 | 434.104 |

6.6 Lợi nhuận khác

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND |
|---|---|---|
| Thu nhập khác | | |
| Thanh lý tài sản cố định | 278.181.818 | - |
| Tổng | 278.181.818 | - |
| Chi phí khác | | |
| Các khoản chậm nộp thuế | 1.143.820.184 | 742.833 |
| Các khoản chi phí khác | 47.824.141 | - |
| Tổng | 1.191.644.325 | 742.833 |
| Thu nhập khác/chi phí khác (thuần) | (913.462.507) | (742.833) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND |
|--|---|---|
| Lợi nhuận trước thuế | 30.335.634 | 103.453.098 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | | |
| Điều chỉnh tăng | - | 742.833 |
| <i>Tiền phạt chậm nộp thuế</i> | - | 742.833 |
| Điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh | 30.335.634 | 104.195.931 |
| Thu nhập chịu thuế | 30.335.634 | 104.195.931 |
| Thu nhập từ kinh doanh bất động sản | 219.207.254 | (109.603.440) |
| Thu nhập từ hoạt động xây dựng và hoạt động khác | (188.871.620) | 213.799.371 |
| Thuế suất hiện hành | | |
| Thuế suất | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 6.067.127 | 20.839.186 |
| Từ kinh doanh bất động sản | - | - |
| Từ hoạt động xây dựng và hoạt động khác | 6.067.127 | 20.839.186 |

6.8 Chi phí sản xuất theo yếu tố

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND |
|-------------------------------------|---|---|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC | 10.753.646.510 | 19.901.935.394 |
| Chi phí nhân công | 8.613.581.265 | 4.947.496.378 |
| Chi phí máy thi công | 402.557.400 | 2.452.709.960 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 45.486.969 | 94.741.699 |
| Thuế phí, lệ phí | 13.568.783 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 52.032.268.357 | 59.311.209.053 |
| Chi phí khác bằng tiền | 5.863.935.490 | 434.104 |
| Tổng | 77.725.044.774 | 86.708.526.588 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về bên liên quan

a. Danh sách các bên liên quan

| <u>Các bên liên quan</u> | <u>Mối liên hệ với Công ty</u> |
|---|--------------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD101 | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02 | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng CIC DECOR | Công ty liên kết |
| Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Phú Yên | Công ty liên kết |
| Thành viên chủ chốt của Công ty: Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và các cá nhân là người thân cận của thành viên chủ chốt Công ty | |
| | Ảnh hưởng đáng kể |

b. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc

| <u>Họ tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND</u> | <u>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND</u> |
|---|--|---|---|
| Tiền lương, thù lao của Hội đồng Quản Trị | | | |
| Dương Tất Khiêm | Chủ tịch HĐQT | 147.476.045 | 192.728.352 |
| Lê Thanh Hải | Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc | 166.975.815 | 324.852.372 |
| Tổng | | 314.451.860 | 517.580.724 |
| Tiền lương, thù lao của Ban Kiểm soát | | | |
| Bùi Thái Khanh | Trưởng ban | 44.485.625 | 45.873.000 |
| Nguyễn Hồng Sơn | Thành viên | 90.940.068 | 91.116.144 |
| Lê Phương Anh | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 02/07/2023) | - | 15.775.100 |
| Tổng | | 135.425.693 | 152.764.244 |
| Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác | | | |
| Trần Vũ Anh | Phó Tổng Giám đốc | 134.323.087 | 188.030.784 |
| Lương Công Tú | Người công bố thông tin | 74.977.287 | 81.364.176 |
| Vũ Thị Hồng Liễu | Kế toán trưởng | 99.831.550 | - |
| Tổng | | 309.131.924 | 269.394.960 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.1 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

c. Giao dịch với các bên liên quan

| <u>Mua hàng</u> | <u>Mối quan hệ</u> | <u>Tính chất giao dịch</u> | <u>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND</u> | <u>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND</u> |
|----------------------------------|--------------------|----------------------------|---|---|
| Công ty Cổ phần Xây dựng HUD1.02 | Công ty con | Chi phí thi công | 387.225.000 | 936.132.527 |
| Tổng | | | 387.225.000 | 936.132.527 |

d. Số dư với các bên liên quan

| <u>Phải thu khách hàng</u> | <u>Mối quan hệ</u> | <u>Tính chất giao dịch</u> | <u>30/6/2024 VND</u> | <u>01/01/2024 VND</u> |
|---------------------------------|--------------------|----------------------------|----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 | Công ty con | Tiền bán chung cư | - | 371.377.000 |
| Tổng | | | - | 371.377.000 |

| <u>Phải trả người bán</u> | <u>Mối quan hệ</u> | <u>Tính chất giao dịch</u> | <u>30/6/2024 VND</u> | <u>01/01/2024 VND</u> |
|----------------------------------|--------------------|----------------------------|----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 | Công ty con | Phải trả người bán | 3.958.322.096 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng HUD1.02 | Công ty con | Phải trả người bán | 3.130.161.027 | 3.857.153.739 |
| Tổng | | | 7.088.483.123 | 3.857.153.739 |

| <u>Trả trước cho người bán</u> | <u>Mối quan hệ</u> | <u>Tính chất giao dịch</u> | <u>30/6/2024 VND</u> | <u>01/01/2024 VND</u> |
|----------------------------------|--------------------|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 | Công ty con | Thi công xây dựng | 10.019.571.178 | 10.019.571.178 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng HUD1.02 | Công ty con | Thi công xây dựng | 34.409.201.316 | 34.409.201.316 |
| Tổng | | | 44.428.772.494 | 44.428.772.494 |

| <u>Các khoản phải thu khác</u> | <u>Mối quan hệ</u> | <u>Tính chất giao dịch</u> | <u>30/6/2024 VND</u> | <u>01/01/2024 VND</u> |
|----------------------------------|--------------------|------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 | Công ty con | Tiền cổ tức và phải thu khác | 432.480.000 | 432.480.000 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng HUD1.02 | Công ty con | Tiền cổ tức | 1.402.500.000 | 1.402.500.000 |
| Tổng | | | 1.834.980.000 | 1.834.980.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPAVIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPAVIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu

Vũ Thị Hồng Liễu

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hồng Liễu

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Lê Thanh Hải

